|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP****KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: Địa lí** |

 **TÊN CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**

**Người biên soạn: Nguyễn Thị Hằng**

**Đơn vị công tác: Trường THPT Quế Võ số 2**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**I.1. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp**

**Bài 26. Cơ cấu ngành công nghiệp**

**1. Cơ cấu CN theo ngành**

- Hiện trạng:

+ Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng (29 ngành, 3 nhóm ngành), trong cơ cấu ngành công nghiệp đã hình thành một số ngành CN trọng điểm (ngành CN có thế mạnh lâu dài, đem lại hiệu quả cao về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và có tác động mạnh mẽ đến các ngành kinh tế khác)

+ Cơ cấu ngành CN VN đang chuyển dịch rõ rệt theo hướng tích cực : tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác; xuất hiện các sản phẩm chất lượng cao…)

- Giải pháp:

+ Xây dựng cơ cấu ngành CN tương đối linh hoạt, thích ứng với sự thay đổi của thị trường

+ Đẩy mạnh các ngành công nghiệp trọng điểm, công nghiệp mũi nhọn

+ Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ .

**2. Cơ cấu CN theo lãnh thổ**

- Hoạt động CN tập trung chủ yếu ở một số khu vực:

+ Ở Bắc Bộ, ĐBSH và các vùng phụ cận là khu vực có mức độ tập trung CN vào loại cao nhất cả nước. Từ Hà Nội, hoạt động CN với hướng chuyên môn hóa khau nhau lan tỏa theo nhiều hướng dọc theo các tuyến giao thông huyết mạch

+ Ở Nam Bộ: Hình thành một dải CN, trong đó nổi lên các trung tâm CN hàng đầu cả nước: TP Hồ Chí Minh (lớn nhất về giá trị sx CN), Biên Hòa, Vũng Tàu, Cà Mau, Cần Thơ và Thủ Dầu Một.

+ Duyên hải miền Trung: Hình thành một dải CN phân bố dọc ven biển với Đà Nẵng là trung tâm quan trọng nhất ngoài ra còn có một số trung tâm khác như Vinh, Qui Nhơn, Nha Trang, Huế, Quảng Ngãi,...

- Các vùng còn lại như TDMNPB, Tây Nguyên công nghiệp phát triển chậm, phân bố phân tán, rời rạc

- Sự phân hóa lãnh thổ CN nước ta là kết quả tác động tổng hợp của hàng loạt các nhân tố: tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động có tay nghề, thị trường, kết cấu hạ tầng và vị trí địa lí thuận lợi.

**3. Cơ cấu CN theo thành phần kinh tế**

- Nhờ kết quả của công cuộc Đổi mới, cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế đã có những thay đổi sâu sắc.

- Xu hướng chung là giảm tỉ trọng của khu vực Nhà nước, tăng tỉ trọng của khu vực Ngoài nhà nước, đặc biệt khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**Bài 27. Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm**

**1. Công nghiệp năng lượng**

**a. Công nghiệp khai thác nguyên, nhiên liệu**

- Công nghiệp khai thác than (Dựa vào Át lát tr KS nêu sự phân bố 3 loại than; Than antraxit hơn 3 tỉ tấn; Than nâu: hàng chục tỉ tấn; Than bùn ..; Atlat tr CN năng lượng nêu sản lượng than qua các năm).

- Công nghiệp khai thác dầu mỏ

+ Dầu mỏ có trữ lượng vài tỉ tấn và hàng trăm tỉ m3 khí (2 bể Cửu Long và Nam Côn Sơn). (Atlat tr CN năng lượng nêu sản lượng dầu qua các năm)

**b. Công nghiệp điện lực**

- Sản lượng điện tăng (Atlat tr CN năng lượng nêu sản lượng điện qua các năm)

- Về cơ cấu có sự thay đổi, giai đoạn 1991-1996 thủy điện chiếm hơn 70%. Đến 2005, nhiệt điện chiếm khoảng 70%.

- Thủy điện: tiềm năng lớn, công suất khoảng 30 triệu KW, tập trung chủ yếu ở hệ thống sông Hồng (37%) và hệ thống sông Đồng Nai (19%). Các nhà máy thủy điện: Hòa Bình, Yaly, Trị An…

- Nhiệt điện: cơ sở nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện miền Bắc là than, miền Trung và Nam lại dựa vào nguồn dầu nhập nội. Các nhà máy :Phả Lại 1 và 2, Ninh Bình, Phú mỹ 1,2,3,4….

**2. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm**

- Là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm với cơ cấu ngành đa dạng. Bao gồm 3 phân ngành: Chế biến sản phẩm ngành trồng trọt, chế biến sản phẩm chăn nuôi, chế biến thủy, hải sản.

**Bài 28. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm công nghiệp** | **Khu công nghiệp** | **Trung tâm công nghiệp** | **Vùng công nghiệp** |
| Chỉ bao gồm 1-2 xí nghiệp đơn lẻ, phân bố gần nguồn nguyên, nhiên liệu hay trung tâm tiêu thụ, không có mối liên hệ sản xuất. | Do Chính phủ thành lập. Có ranh giới địa lí xác định, không có dân sinh sống, có vị trí địa lí thuận lợi, chuyên sản xuất CN và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất CN | Gắn với đô thị vừa và lớn, có vị trí địa lí thuận lợi, bao gồm khu CN, điểm CN và nhiều xí nghiệp CN có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất và kĩ thuật. | Vùng lãnh thổ rộng lớn, bao gồm nhiều điểm, khu CN, trung tâm CN có mối liên hệ về sản xuất, Có vài ngành chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa.(cả nước phân thành 6 vùng CN) |

**I.2. Một số vấn đề phát triển và phân bố dịch vụ**

**Bài 30: Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc**

**1. Giao thông vận tải**

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại đường giao thông** | **Tình hình phát triển** |
| Đường ô tô | Mạng lưới đường bộ được mở rộng và hiện đại hóa, phủ kín các vùng. Hai trục đường bộ xuyên quốc gia là quốc lộ 1 2301 km = 32 tình, TP và đường Hồ Chí Minh 3167 km, qua 30 tỉnh/thành phố. |
| Đường sắt | Tổng chiều dài là 3143 km. Đường sắt Thống Nhất dài 1726 km là trục giao thông quan trọng theo hướng Bắc - Nam |
| Đường sông | - Sử dụng vào mục đích giao thông khoảng 11.000 km- Tập trung ở: hệ thống sông Hồng - Thái Bình, hệ thống sông Mê Công - Đồng Nai…. |
| Đường biển | - Đường bờ biển dài 3260 km , nhiều vũng, vịnh rộng kín gió, nhiều đảo, quần đảo ven bờ… thuận lợi phát triển giao thông đường biển.- Tuyến đường biển quan trọng : Hải Phòng - Thành phố Hồ Chí Minh, dài 1500 km. Các cảng biển … |
| Đường hàng không | - Hàng không là ngành non trẻ nhưng có bước tiến rất nhanh.- Năm 2007: có 19 sân bay (5 sân bay quốc tế).- Các tuyến bay trong nước: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Ngoài ra, chúng ta đã mở các đường bay đến các nước trong khu vực và trên thế giới. |
| Đường ống | - Ngày càng phát triển gắn với sự phát triển ngành dầu khí.- Các tuyến chính: B12 (Bãi Cháy - Hạ Long) tới các tỉnh ĐBSH, Các đường ống dẫn khí ngoài thềm lục địa vào đất liền. |

**2. Ngành thông tin liên lạc**

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại hình** | **Tình hình phát triển** |
| Bưu chính | Tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp. Mạng lưới Bưu chính Việt Nam có hơn 300 bưu cục, với khoảng 18 nghìn điểm phục vụ . |
| Viễn thông | - Sự phát triển: Trước thời kì đổi mới: Mạng lưới và thiết bị cũ kĩ, lạc hậu, dịch vụ nghèo nàn.+ Những năm gần đây: Tốc độ tăng trưởng cao, đạt mức trung bình 30 %/ năm..- Mạng viễn thông:+ Mạng điện thoại+ Mạng phi thoại |

**Bài 31: Vấn đề phát triển thương mại, du lịch**

**1. Thương mại**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động** | **Tình hình phát triển** |
| Nội thương | - Từ khi đổi mới, hoạt động nội thương có điều kiện phát triển mạnh.- Phát triển mạnh ở ĐNB, ĐBSH, ĐBSCL- Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. |
| Ngoại thương | - Từ khi đổi mới, hoạt động ngoại thương có những chuyển biến tích cực.+ Quy mô xuất khẩu tăng liên tục, từ 2,4 tỉ đô la 1990 lên hơn 32,4 tỉ đô la năm 2005.+ Các mặt hàng xuất khẩu..., Thị trường xuất khẩu...., Giá trị hàng nhập khẩu .... ,Các mặt hàng nhập khẩu ...,Các thị trường nhập khẩu (Át lát trang Thương mại) |

**2. Du lịch**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tài nguyên du lịch** | **Tình hình phát triển** |
| - Khái niệm:TNDL là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cánh mạng, các giá trị nhân văn, công trình sáng tạo của có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch.- Các loại tài nguyên du lịch+ Tự nhiên: Địa hình ( đa dạng: 125 bãi biển, 2 di sản thiên nhiên, 200 hang động), khí hậu (đa dạng, phân hóa), nước (sông , hồ, nước khoáng ), sinh vật (30 vườn QG..)+ Nhân văn: Di tích lịch sử (4 vạn di tích , 3 di sản VH vật thể, 2 phi vật thể ) lễ hội, làng nghề, văn nghệ dân gian… | - Ngành du lịch nước ta phát triển nhanh từ đầu thập kỉ 90 cho đến nay.- Về phân hóa lãnh thổ, nước ta hình thành 3 vùng du lịch: vùng Bắc Bộ, vùng Bắc Trung Bộ, vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ.- Các trung tâm du lịch QG : Hà Nội , Huế- Đà Nẵng, TP HCM |

**II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**1. Bài 26: Cơ cấu ngành công nghiệp ( 20 câu Nhận biết)**

**Câu 1:** Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ của nước ta hiện nay

**A.** tập trung ở miền núi. **B.** đều khắp ở các vùng.

**C.** không có ở ven biển. **D.** có sự phân hóa.

**Câu 2:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

 **A.** tương đối đa dạng. **B.** chỉ có chế biến.

 **C.** chỉ có khai khoáng. **D.** có ít ngành.

**Câu 3:** Công nghiệp của nước ta hiện nay

**A.** chỉ có ở ven biển. **B.** phân bố nhiều nơi.

**C.** tập trung ở núi cao. **D.** ít loại sản phẩm.

**Câu 4:** Các trung tâm công nghiệp nước ta hiện nay

 **A.** có cơ cấu ngành hiện đại. **B.** chủ yếu có quy mô lớn.

 **C.** phân bố không đồng đều. **D.** tập trung ở miền núi.

**Câu 5:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

 **A.** giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến. **B.** số lượng ngành còn kém đa dạng.

 **C.** ưu tiên các sản phẩm cạnh tranh thấp. **D.** nổi lên một số ngành trọng điểm.

**Câu 6:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

 **A.** phân bố khá đồng đều. **B.** tỉ trọng giảm dần.

 **C.** sản phẩm ít đa dạng. **D.** chuyển dịch rõ rệt.

**Câu 7:** Khu vực nào sau đây ở nước ta có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất?

 **A.** Dọc Duyên hải miền Trung. **B.** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.

 **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 8:** Sản phẩm chuyên môn hóa công nghiệp của hướng Hà Nội - Thái Nguyên là

 **A.** khai thác than, điện. **B.** hóa chất, giấy.

 **C.** điện, dệt - may. **D.** cơ khí, luyện kim.

**Câu 9:** Các trung tâm công nghiệp nước ta hiện nay

 **A.** chủ yếu có quy mô lớn. **B.** phân bố không đồng đều.

 **C.** có cơ cấu ngành hiện đại. **D.** tập trung ở miền núi.

**Câu 10:** Công nghiệp nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

 **A.** chỉ tập trung tiêu dùng ở trong nước. **B.** phù hợp hơn với yêu cầu thị trường.

 **C.** tăng tỉ trọng các ngành khai khoáng. **D.** ưu tiên đầu tư cho các vùng núi cao.

**Câu 11:** Công nghiệp nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

 **A.** phân bố đồng đều tại khắp các vùng. **B.** giảm tối đa sở hữu ngoài Nhà nước.

 **C.** tăng tỉ trọng sản phẩm có giá trị cao. **D.** tập trung nhiều cho việc khai khoáng.

**Câu 12:** Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

 **A.** còn kém đa dạng. **B.** phân bố đồng đều.

 **C.** phát triển rất chậm. **D.** thay đổi tích cực.

**Câu 13:** Vùng có công nghiệp phát triển chậm, phân bố phân tán, rời rạc ở nước ta là

 **A.** trung du. **B.** đồng bằng. **C.** ven biển. **D.** miền núi.

**Câu 14:** Công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

 **A.** hải đảo. **B.** đồng bằng. **C.** sơn nguyên. **D.** núi cao.

**Câu 15:** Vùng nào sau đây của nước ta có ngành công nghiệp phát triển nhất?

 **A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 16:** Biểu hiện rõ nhất của cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở

 **A.** mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong hệ thống.

 **B.** tỉ trọng của từng ngành so với giá trị của toàn ngành.

 **C.** sự phân chia các ngành công nghiệp trong hệ thống.

 **D.** số lượng các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống.

**Câu 17:** Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là

 **A.** chế biến nông, lâm, thủy sản. **B.** sản xuất hàng tiêu dùng.

 **C.** công nghiệp điện lực. **D.** khai thác và chế biến dầu khí.

**Câu 18:** Trong cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế, khu vực kinh tế nhà nước gồm hai thành phần là

 **A.** trung ương và địa phương. **B.** trung ương và tập thể.

 **C.** địa phương và tư nhân. **D.** địa phương và cá thể.

**Câu 19:** Cơ cấu sản xuất công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

 **A.** giảm tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp. **B.** tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.

 **C.** tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác. **D.** tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp.

**Câu 20:** Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** giảm tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước.

 **B.** giảm mạnh tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.

 **C.** giảm tỉ trọng khu vực vốn đầu tư nước ngoài.

 **D.** tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp chế biến.

**2. Bài 27: Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm( 20 câu nhận biết)**

**Câu 1:** Ngành nào sau đây ở nước ta thuộc công nghiệp năng lượng?

 **A.** Sản xuất điện. **B.** Hóa chất. **C.** Luyện kim. **D.** Cơ khí.

**Câu 2:** Ngành công nghiệp dầu khí nước ta hiện nay

 **A.** đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước. **B.** thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

 **C.** cơ sở vật chất kỹ thuật chưa tiến bộ. **D.** tập trung ở thềm lục địa phía Bắc.

**Câu 3:** Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt ở nước ta?

 **A.** Sữa, bơ. **B.** Thịt hộp. **C.** Gạo, ngô. **D.** Nước mắm.

**Câu 4:** Miền Bắc nước ta phát triển nhiệt điện chủ yếu từ nguồn năng lượng

**A.** than đá. **B.** dầu mỏ. **C.** sinh học. **D.** khí đốt.

**Câu 5:** Sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta?

 **A.** Thịt hộp. **B.** Rượu, bia. **C.** Gạo, ngô. **D.** Nước mắm.

**Câu 6:** Khai thác than ở nước ta thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.** Cơ khí. **B.** Năng lượng. **C.** Luyện kim. **D.** Hóa chất.

**Câu 7:** Công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta do có

**A.** sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng khắp.

**B.** cơ cấu đa dạng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập.

**C.** thế mạnh lâu dài, hiệu quả cao, thúc đẩy ngành khác phát triển.

**D.** tỉ trọng lớn nhất, đáp ứng nhu cầu rộng, thu hút nhiều lao động.

**Câu 9:** Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

 **A.** Nước mắm. **B.** Cà phê nhân. **C.** Gạo, ngô. **D.** Đường mía.

**Câu 10:** Cơ sở nhiên liệu của nhà máy điện Bà Rịa, Phú Mỹ và Cà Mau là

**A.** than bùn. **B.** than nâu. **C.** than đá. **D.** khí tự nhiên.

**Câu 11:** Mạng lưới sông ngòi nước ta có thế mạnh cho phát triển

**A.** điện gió. **B.** nhiệt điện. **C.** thủy điện. **D.** điện hạt nhân.

**Câu 12:** Vùng nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản phát triển nhất nước ta?

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 13:** Ngành công nghiệp sản xuất rượu, bia, nước ngọt của nước ta phân bố tập trung ở

**A.** khu vực đồi núi. **B.** gần các cửa khẩu.

**C.** khu vực cảng biển. **D.** các đô thị lớn.

**Câu 14:** Nguồn nhiên liệu chủ yếu của các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc là

**A.** củi, gỗ. **B.** than. **C.** dầu. **D.** khí đốt.

**Câu 15:** Tiềm năng thủy điện của nước ta tập trung lớn nhất ở hệ thống

**A.** sông Đồng Nai. **B.** sông Hồng. **C.** sông Mã. **D.** sông Cả.

**Câu 16:** Trong cơ cấu công nghiệp năng lượng nước ta có ngành

**A.** đóng tàu. **B.** thủy điện. **C.** vật liệu xây dựng. **D.** dệt, may.

**Câu 17:** Trong cơ cấu công nghiệp năng lượng nước ta có ngành

**A.** hóa chất. **B.** luyện kim đen. **C.** khai thác than. **D.** dệt, may.

**Câu 18:** Công nghiệp sản xuất rượu bia, nước ngọt gắn liền với

**A.** vùng nguyên liệu. **B.** thị trường tiêu thụ.

**C.** các cảng biển lớn. **D.** nơi thưa thớt dân.

**Câu 19:** Sản phẩm nào sau đây thuộc ngành công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt?

**A.** Nước mắm. **B.** Sữa hộp. **C.** Thịt hộp. **D.** Mía đường.

**Câu 20:** Lúa gạo ở nước ta được dùng làm nguyên liệu cho

**A.** sản xuất hàng tiêu dùng. **B.** công nghiệp dệt may.

**C.** chế biến lương thực. **D.** chế biến thủy, hải sản.

**3. Bài 30: Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc**

**( 10 câu thông hiểu)**

**Câu 1:** Trở ngại lớn nhất của ngành giao thông vận tải đường bộ nước ta là

**A.** thiên tai thường xảy ra. **B.** thiếu nguồn vốn đầu tư.

**C.** lãnh thổ dài, hẹp ngang. **D.** địa hình bị chia cắt mạnh.

**Câu 2:** Ngành vận tải hàng không ở nước ta hiện nay

**A.** có khối lượng vận chuyển lớn nhất. **B.** hoàn toàn là đường bay nội địa.

**C.** được phân bố đồng đều trên cả nước. **D.** chủ yếu là vận chuyển hành khách.

**Câu 3:** Giao thông vận tải nước ta hiện nay

 **A.** có vai trò lớn nhất là đường sống. **B.** đã hình thành cảng biển nước sâu.

 **C.** chỉ có tuyến đường biển quốc tế. **D.** chỉ tập trung phát triển đường ô tô.

**Câu 4:** Ngành hàng không có bước tiến rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Chiến lược phát triển táo bạo. **B.** Lượng khách du lịch quốc tế lớn.

 **C.** Đảm bảo tính an toàn tuyệt đối. **D.** Lao động có trình độ cao.

**Câu 5:** Hoạt động giao thông vận tải biển của nước ta hiện nay

 **A.** chiếm tỉ lệ lớn nhất trong cơ cấu luân chuyển hàng hoá.

 **B.** có khối lượng vận chuyển hành khách bằng đường ô tô.

 **C.** có hệ thống cảng quân sự đang xây dựng ở các hải đảo.

 **D.** đã hình thành được tuyến quốc tế với tất cả các đối tác.

**Câu 6:** Mạng viễn thông ở nước ta hiện nay

**A.** chưa ứng dụng công nghệ hiện đại. **B.** đẩy mạnh hội nhập với thế giới.

**C.** chỉ có hệ thống mạng truyền dẫn. **D.** chủ yếu sử dụng lao động thủ công.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây đúng về sự phát triển ngành thông tin liên lạc nước ta

**A.** hoạt động bưu chính đã tự động hóa. **B.** mạng lưới bưu chính chưa rộng khắp.

**C.** viễn thông phát triển nhanh vượt bậc. **D.** mạng lưới viễn thông chưa đa dạng.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây đúng với ngành viễn thông nước ta hiện nay?

**A.** Chưa hội nhập viễn thông thế giới, tỉ lệ dân số sử dụng internet thấp.

**B.** Mạng điện thoại phân bố không đều, công nghệ đang được số hóa.

**C.** Tốc độ tăng trưởng chậm, đang đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại.

**D.** Phát triển rất năng động, không bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

**Câu 9:** Ngành thông tin liên lạc nước ta hiện nay

 **A.** phát triển chậm, mạng lưới viễn thông chưa hội nhập với thế giới.

 **B.** Internet cùng với các mạng xã hội được người dân sử dụng rộng rãi.

 **C.** ngành viễn thông chưa đón đầu được những thành tựu kĩ thuật hiện đại.

 **D.** chưa có các vệ tinh viễn thông địa tĩnh và hệ thống cáp quang biển.

**Câu 10:** Để đạt trình độ hiện đại ngang tầm các nước khu vực, ngành bưu chính cần phát triển theo hướng

 **A.** tin học hóa và tự động hóa. **B.** đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh.

 **C.** tiến hành cổ phần hóa toàn bộ. **D.** giảm số lượng lao động thủ công.

**4. Bài 31: Vấn đề phát triển thương mại và du lịch**

**Câu 1:** Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

 **A.** hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển sản xuất hàng hóa.

 **B.** tăng cường quản lí nhà nước, mở rộng thêm thị trường.

 **C.** đa dạng hóa sản xuất, hình thành các ngành mũi nhọn.

 **D.** khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao nguồn thu nhập.

**Câu 2:** Xuất khẩu của nước ta hiện nay tăng trưởng mạnh chủ yếu do

 **A.** mở rộng giao thương, liên kết các nước.

 **B**. đổi mới sản xuất, có nhiều thành phần.

 **C**. phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế sâu.

 **D**. tăng cường đầu tư, tạo nhiều hàng hóa.

**Câu 3:** Khách du lịch quốc tế đến nước ta hiện nay nhiều chủ yếu do

**A.** người dân hiếu khách, môi trường thân thiện.

**B.** hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển.

**C.** sản phẩm du lịch hấp dẫn, chính sách đổi mới.

**D.** dịch vụ thuận tiện, cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

**Câu 4:** Du lịch nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

**A.** đổi mới chính sách, khai thác tốt tài nguyên.

**B.** mức sống nâng cao, nhiều dịch vụ thuận tiện.

**C.** hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển.

**D.** hoàn thiện hạ tầng, mở rộng nhiều thị trường.

**Câu 5**. Hoạt động nội thương của nước ta có nhiều chuyển biến tích cực chủ yếu do

 **A**. mức sống tăng, công nghệ phát triển, lao động đông đảo.

 **B**. sản xuất phát triển, mức sống tăng, chính sách đổi mới.

  **C**. chính sách thay đổi, dân số tăng nhanh, thị trường rộng.

 **D**. hàng hóa đa dạng, dân số tăng, nhu cầu ngày càng lớn.

**Câu 6:** Sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào sự phân bố của

**A.** tài nguyên du lịch. **B.** các ngành sản xuất. **C.** dân cư. **D.** trung tâm du lịch.

**Câu 7:** Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng loại hình du lịch ở nước ta hiện nay?

**A.** Tài nguyên du lịch và nhu cầu của du khách trong, ngoài nước.

**B.** Nhu cầu của du khách trong, ngoài nước và điều kiện phục vụ.

**C.** Định hướng ưu tiên phát triển du lịch và các nguồn vốn đầu tư.

**D.** Lao động làm du lịch và cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng.

**Câu 8:** Số lượt khách du lịch nội địa trong các năm qua tăng nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Chất lượng phục vụ tốt hơn. **B.** Mức sống nhân dân được nâng cao.

**C.** Sản phẩm du lịc này càn đa dạng. **D.** Cơ sở vật chất được tăng cường.

**Câu 9:** Giải pháp chủ yếu để tăng lượng du khách quốc tế đến với nước ta là

 **A**. phát triển đa dạng các loại hình du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng.

 **B.** đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch.

 **C.** tăng cường đào tạo đội ngũ lao động trong ngành du lịch.

 **D**. nâng cấp và xây mới các cơ sở lưu trú phục vụ du lịch.

**Câu 10:** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là

**A.** thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.

**B.** tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.

**C.** phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.

**D.** đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với nước ngoài.